

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: GIÁO SU'

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Kinh tế; Chuyên ngành: Tài chính – Ngân hàng.

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **ĐẶNG VĂN DÂN**

2. Ngày tháng năm sinh: 08/07/1978; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán: Xã Tân Trung, Thành phố Gò Công, Tỉnh Tiền Giang.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 106 Bùi Tá Hán, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

6. Địa chỉ liên hệ: 106 Bùi Tá Hán, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 0903.074.850; E-mail: dandv@hub.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ 11/2000 đến 04/2008: Chuyên viên Tài chính, Công ty Truyền Tải Điện 4 (thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam).

Từ 05/2008 đến 11/2014: Giảng viên, Khoa Tài chính, Trường Đại học Ngân hàng thành phố Hồ Chí Minh.

Từ 12/2014 đến 11/2015: Giảng viên, Phụ trách Bộ môn, Khoa Tài chính, Trường Đại học Ngân hàng thành phố Hồ Chí Minh.

Từ 12/2015 đến nay: Giảng viên, Trưởng Bộ môn, Khoa Tài chính, Trường Đại học Ngân hàng thành phố Hồ Chí Minh.

Chức vụ: Hiện nay: Trưởng Bộ môn; Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng Bộ môn.

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Tài chính, Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ cơ quan: 36 Tôn Thất Dạm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại cơ quan: (028) 38.291.901

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 31 tháng 10 năm 2000; số văn bằng: 215014; ngành: Tài chính, chuyên ngành: Tài chính Nhà nước; Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Kinh tế TP.HCM - Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 17 tháng 01 năm 2008; số văn bằng: 0034943; ngành: Kinh tế; chuyên ngành: Tài chính – Ngân hàng; Nơi cấp bằng ThS: Trường Đại học Kinh tế TP.HCM - Việt Nam.

- Được cấp bằng TS ngày 11 tháng 01 năm 2013; số văn bằng: 001625; ngành: Kinh tế; chuyên ngành: Tài chính – Ngân hàng; Nơi cấp bằng TS: Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM - Việt Nam.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày 09 tháng 04 năm 2018, ngành: Kinh tế.

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư tại HDGS cơ sở: Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư tại HDGS ngành, liên ngành: Kinh tế

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Hướng nghiên cứu 1: Hoạt động của ngân hàng thương mại

+ Bài báo khoa học: số thứ tự 2, 3, 8, 9, 12, 15, 19, 21, 24, 26, 30, 31, 34, 35, 37, 38, 40, 41, 44, 45, 46, 48, 49, 50, 53, 54, 56, 57, 58, 59, 60, 61, 62, 65, 66, 67, 68, 69, 71, 72, 73, 74, 75, 76, 77, 78, 79, 80, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 87, 88, 89, 92, 93, 94, 96, 97, 98, 99 trong mục 7.

+ Đề tài khoa học: số thứ tự 4, 6, 7, 8 trong mục 6.

+ Sách phục vụ đào tạo: số thứ tự 2, 6, 11 trong mục 5.

+ Hướng dẫn NCS: số thứ tự 2, 3 trong mục 4.

Hướng nghiên cứu 2: Truyền dẫn chính sách tiền tệ

+ Bài báo khoa học: số thứ tự: 7, 20, 36, 39, 42, 43, 47, 51, 52, 55, 63, 64, 70, 90, 91, 95 trong mục 7.

+ Đề tài khoa học: số thứ tự: 2, 3, 9 trong mục 6.

+ Sách phục vụ đào tạo: số thứ tự 4, 5 trong mục 5.

Hướng nghiên cứu 3: Đầu tư tài chính

+ Bài báo khoa học: số thứ tự: 1, 4, 5, 6, 10, 11, 13, 14, 16, 17, 18, 22, 23, 25, 27, 28, 29, 32, 33, 100, 101 trong mục 7.

+ Đề tài khoa học: số thứ tự: 1, 5, 10 trong mục 6.

+ Sách phục vụ đào tạo: số thứ tự 1, 3, 7, 8, 9, 10 trong mục 5.

+ Hướng dẫn NCS: số thứ tự 1 trong mục 4.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn **03** NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hoàn thành các đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên:

+ **04** đề tài NCKH cấp Bộ (chủ nhiệm đề tài: 02; tham gia: 02)

+ **06** đề tài NCKH cấp cơ sở (chủ nhiệm đề tài: 03; tham gia: 03);

- Đã công bố (số lượng) **101** bài báo khoa học, trong đó **38** bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Số lượng sách đã xuất bản: **11**; tất cả **11** sách đều thuộc nhà xuất bản có uy tín.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo nhân dịp kỷ niệm 40 năm ngày Nhà giáo Việt Nam (Số 5994/BGGĐT-NGCBQLGD ngày 14/11/2022).

- Bằng khen của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam khi hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ ngành Ngân hàng từ năm học 2011-2012 đến 2012-2013 (Quyết định số 2117/QĐ-NHNN ngày 23/09/2013).

- Bằng khen của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam khi hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ ngành Ngân hàng từ năm học 2013-2014 đến 2014-2015 (Quyết định số 2160/QĐ-NHNN ngày 23/10/2015).

- Bằng khen của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam khi hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ ngành Ngân hàng từ năm học 2016-2017 đến 2017-2018 (Quyết định số 1770/QĐ-NHNN ngày 10/09/2018).

- Danh hiệu Chiến sĩ thi đua Ngành có thành tích xuất sắc trong công tác từ 2013-2015 (Quyết định số 2068/QĐ-NHNN ngày 20/10/2015).

- Danh hiệu Chiến sĩ thi đua Cơ sở (Quyết định số 520/QĐ-ĐHNH ngày 09/08/2012).

- Danh hiệu Chiến sĩ thi đua Cơ sở (Quyết định số 735/QĐ-ĐHNH ngày 13/08/2013).

- Danh hiệu Chiến sĩ thi đua Cơ sở (Quyết định số 1258/QĐ-ĐHNH ngày 08/08/2014).

- Danh hiệu Chiến sĩ thi đua Cơ sở (Quyết định số 1025/QĐ-ĐHNH ngày 03/08/2015).

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Danh hiệu Chiến sĩ thi đua Cơ sở (Quyết định số 1589/QĐ-ĐHNH ngày 09/08/2017).
- Danh hiệu Chiến sĩ thi đua Cơ sở (Quyết định số 1491/QĐ-ĐHNH ngày 21/08/2018).
- Danh hiệu Chiến sĩ thi đua Cơ sở (Quyết định số 1627/QĐ-ĐHNH ngày 18/08/2020).
- Danh hiệu Chiến sĩ thi đua Cơ sở (Quyết định số 2234/QĐ-ĐHNH ngày 10/08/2023).
- Giấy khen đạt thành tích xuất sắc trong nghiên cứu khoa học (Quyết định số 2371/QĐ-ĐHNH ngày 05/11/2019).
- Giấy khen đạt thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua giai đoạn 2015-2020 (Quyết định số 1475/QĐ-ĐHNH ngày 20/07/2020).
- Giấy khen đạt thành tích xuất sắc trong công tác đảm bảo chất lượng giai đoạn 2021-2022 (Quyết định số 2143/QĐ-ĐHNH ngày 14/09/2022).
- Giấy khen đạt thành tích xuất sắc trong nghiên cứu khoa học (Quyết định số 1302/QĐ-ĐHNH ngày 12/05/2023).
- Giấy khen đạt thành tích xuất sắc trong nghiên cứu khoa học (Quyết định số 1357/QĐ-ĐHNH ngày 13/05/2024).

16. Kỷ luật (*hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định*): Không.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Về đạo đức nhà giáo: Bản thân ứng viên luôn nghiêm chỉnh chấp hành các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, nỗ lực hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao và tích cực xây dựng mối quan hệ tốt, đúng mực với học viên và thân ái với đồng nghiệp. Từ khi bước vào nghiệp giảng dạy, nhận thức được ý nghĩa của công việc và cả sự đam mê của bản thân, ứng viên đã không ngừng cố gắng để trở thành một người làm giáo dục thật tâm huyết và trách nhiệm.

Về công tác giảng dạy: Ứng viên tham gia giảng dạy các chương trình đại học và sau đại học, với nội dung giảng dạy bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh. Ứng viên luôn chú trọng vào mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo, lấy sinh viên làm trọng tâm, nỗ lực nâng cao trình độ chuyên môn, cập nhật tối đa các kiến thức chuyên ngành có liên quan, tích cực áp dụng phương pháp giảng dạy hiện đại phù hợp với các đối tượng học viên. Kết hợp công tác giảng dạy với nghiên cứu khoa học để hoàn thiện lẫn nhau, gắn kết và liên hệ giữa lý thuyết với thực tiễn, truyền đạt kiến thức chuyên môn đi kèm với đạo đức và chuẩn mực nghề nghiệp, vinh dự góp phần vào công cuộc nâng cao chất lượng giảng dạy chung toàn trường. Bản thân ứng viên trong quá trình giảng dạy luôn được đồng nghiệp và học viên quý trọng, đánh giá cao. Bên cạnh đó, là lãnh đạo của một bộ môn quan trọng của trường là Bộ môn Tài chính - Tiền tệ, ứng viên luôn ý thức được vai trò và trách nhiệm của bản thân, từ đó luôn

cố gắng để hoàn thành thật tốt những trọng trách mà nhà trường đã tin tưởng giao phó và tích cực chỉ đạo, động viên các đồng nghiệp giảng viên trong bộ môn nỗ lực phấn đấu trong công tác giảng dạy.

Về nghiên cứu khoa học: Ứng viên đã nghiên cứu và thực hiện nhiều đề tài nghiên cứu khoa học các cấp, cũng như công bố nhiều bài báo trên các tạp chí chuyên ngành uy tín, ứng viên luôn tích cực và chủ động tham gia vào các hoạt động khác của cộng đồng khoa học trong nước và quốc tế ở nhiều cấp độ và hình thức khác nhau. Bên cạnh đó, ứng viên nhiều lần tham gia hội đồng đánh giá nghiệm thu các đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở đại học và cấp tỉnh. Ứng viên cũng thường xuyên là phản biện chính cho các hội đồng đánh giá luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ tại nhiều trường đại học (Đại học Kinh tế TP.HCM, Trường Đại học Ngân hàng Tp.HCM, Trường Đại học Tài chính Marketing, Trường Đại học Kinh tế Luật – ĐHQG TP.HCM).

Trên bình diện quốc tế, ứng viên đã có những đóng góp với vai trò phản biện cho nhiều tạp chí uy tín xếp hạng cao (thuộc ISI/Scopus và các nhà xuất bản lớn) như: *Journal of the Asia Pacific Economy* (Scopus Q2/SSCI, thuộc NXB Taylor & Francis), *Journal of Asian Business and Economic Studies* (Scopus/ESCI, thuộc NXB Emerald), *Heliyon* (Scopus Q1/SCIE, thuộc NXB Elsevier), *International Journal of Finance & Economics* (SSCI, thuộc NXB John Wiley & Sons), *Cogent Economics and Finance* (Scopus Q2/ESCI, thuộc NXB Taylor & Francis), *International Journal of Emerging Markets* (Scopus Q2/SSCI, thuộc NXB Emerald), và *Journal of Economic Studies* (Scopus Q1/ESCI, thuộc NXB Emerald). Rất nhiều lần ứng viên nhận được thư cảm ơn nhờ những đóng góp cho công tác phản biện và xét duyệt bài báo từ các tổng biên tập của các tạp chí.

Ngoài ra, ứng viên cũng đã tham gia vào công tác hướng dẫn, hỗ trợ các nhóm sinh viên thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học. Để hỗ trợ mảng công bố quốc tế, ứng viên cũng đã có những trao đổi và hướng dẫn kỹ năng viết bài báo khoa học cũng như quy trình, kinh nghiệm lựa chọn tạp chí quốc tế để công bố cho các nghiên cứu sinh, các giảng viên, và các nhà nghiên cứu trẻ trong và ngoài cơ sở đào tạo của ứng viên.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 16 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (*ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS*):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	



1	2018-2019					225	45	270/629/216
2	2019-2020	01				180	75	255/870/216
3	2020-2021			05	03	270	45	315/548/216
03 năm học cuối								
4	2021-2022	01		05	03	315	45	360/756/216
5	2022-2023	01		03	03	180	45	225/550/216
6	2023-2024				03	270	45	315/470/216

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: **Tiếng Anh**

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH; tại nước: năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc Gia TP.HCM, số bằng: 03-05/NQC; năm cấp bằng: 2005.

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM, Việt Nam.

d) Đối tượng khác ; Diễn giải: Hướng dẫn các học viên thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học bằng tiếng Anh; tham gia hội đồng thẩm định khóa luận tốt nghiệp, luận văn, luận án bằng tiếng Anh.

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Cử nhân Anh văn

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng:

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2 /BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/C K2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Vũ Đức Bình	X		X		2016-2019	Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM	Quyết định cấp bằng số 2798/QĐ- ĐHNH ngày 19/12/2019
2	Huỳnh Japan	X		X		2020-2022	Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM	Quyết định cấp bằng số 587/QĐ- ĐHNH ngày 28/03/2022
3	Nguyễn Hoàng Diệu Hiền	X		X		2020-2022	Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM	Quyết định cấp bằng số 1492/QĐ- ĐHNH ngày 05/07/2022

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phân biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I Trước khi được công nhận PGS							

1	Bài tập và bài giải thi trường chứng khoán	TK	NXB Kinh tế TP.HCM, 2014	03	Chủ biên	1-129 137-260 274-283	VBXN ngày 28/06/2024
2	Ngân hàng thương mại Việt Nam trên đường hội nhập	TK	NXB Kinh tế TP.HCM, 2014	01	Chủ biên	1-275	VBXN ngày 28/06/2024
3	Thị trường tài chính và các định chế tài chính	GT	NXB Kinh tế TP.HCM, 2016	12	Tham gia	277-397	VBXN ngày 28/06/2024
4	Lạm phát và thất nghiệp tại Việt Nam	TK	NXB Kinh tế TP.HCM, 2016	02	Chủ biên	1-143	VBXN ngày 28/06/2024
5	Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ	GT	NXB Kinh tế TP.HCM, 2017	09	Đồng chủ biên	115-136 248-297	VBXN ngày 28/06/2024
II Sau khi được công nhận PGS							
6	Định giá điều chuyển vốn nội bộ cho ngân hàng thương mại	CK	NXB Tài chính, 2023	1	Chủ biên	1-254	VBXN ngày 28/06/2024
7	Bảo hiểm	GT	NXB Tài chính, 2018	3	Chủ biên	1-53, 264-355	VBXN ngày 28/06/2024
8	Thuế	GT	NXB Tài chính, 2018	5	Chủ biên	1-60, 102-129 172-239 286-399	VBXN ngày 28/06/2024
9	Viện trợ phát triển và tăng trưởng kinh tế Việt Nam	TK	NXB Tài chính, 2018	2	Đồng chủ biên	1-168	VBXN ngày 28/06/2024
10	Phân tích đầu tư chứng khoán	GT	XNB Lao Động, 2023	8	Chủ biên	29-66, 425-513	VBXN ngày 28/06/2024

11	Hoạt động ngân hàng tại Việt Nam trong điều kiện bất định	CK	NXB Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, 2023	1	Chủ biên	1-300	VBXN ngày 28/06/2024
----	---	----	---	---	----------	-------	----------------------

Trong đó: số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS: **02** sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản (STT 06, 11).

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang...

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I Trước khi được công nhận PGS					
1	ĐT: Đánh giá tác động của viện trợ phát triển đến tăng trưởng kinh tế: trường hợp Việt Nam	CN	ĐTNH.034/16 Cấp Bộ	2016-2017	26/06/2017 Giỏi
2	ĐT: Mối quan hệ giữa lạm phát và thất nghiệp tại Việt Nam	CN	CT-1603-35 Cấp cơ sở	2015-2016	11/05/2016 Giỏi
3	ĐT: Lạm phát kỳ vọng – Trường hợp nghiên cứu tại TP.HCM	CN	CT-1509-32 Cấp cơ sở	2015-2016	21/04/2016 Giỏi
4	ĐT: Cơ hội và thách thức đối với hệ thống	Tham gia	DTNH.27/2014 Cấp Bộ	2014-2016	10/08/2016 Đạt

	NHTM Việt Nam khi tham gia TPP				
5	ĐT: Hoàn thiện quản trị công ty niêm yết	Tham gia	DTNH.21/2015 Cấp Bộ	2015-2016	08/07/2016 Đạt
6	ĐT: Tác động của tự do hoá tài chính đến hiệu quả hoạt động của NHTM tại Việt Nam	Tham gia	CT-1409-19 Cấp cơ sở	2014-2015	03/11/2015 Khá
7	ĐT: Phát triển thị trường mua bán nợ tại Việt Nam	Tham gia	CT-1510-38 Cấp cơ sở	2015-2016	24/05/2016 Khá
II Sau khi được công nhận PGS					
8	ĐT: Nghiên cứu về các nhân tố tác động đến tăng trưởng và rủi ro tín dụng của các ngân hàng thương mại Việt Nam	CN	DTNH.009/20 Cấp Bộ	2020-2021	29/03/2022 Khá
9	ĐT: Chính sách tiền tệ và hành vi tích trữ thanh khoản ngân hàng tại Việt Nam	CN	CT-2204-157 Cấp cơ sở	2022	23/06/2022 Giỏi
10	ĐT: Hiệu ứng lan tỏa tài chính trong bối cảnh đại dịch Covid-19: Bằng chứng thực nghiệm tại các quốc gia phát triển ở Châu Á	Tham gia	CT-2205-163 Cấp cơ sở	2022	19/10/2022 Xuất sắc

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.



Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (*bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế*):

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

Hồ sơ Google Scholar: <https://scholar.google.com/citations?user=8-SREt8AAAAJ&hl=en&oi=ao>

Hồ sơ ORCID: <https://orcid.org/0000-0001-5524-8765>

Hồ sơ Scopus: <https://www.scopus.com/authid/detail.uri?authorId=57207934720>

Hồ sơ ResearchGate: <https://www.researchgate.net/profile/Van-Dan-Dang>

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I Trước khi được công nhận PGS								
1	Tự do hoá dịch vụ tài chính trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế tại Việt Nam	01	X	Tạp chí Phát triển Kinh tế ISSN: 1859-1124			209, tr.31-35	03-2008
2	Nhìn lại quá trình tự do hoá lãi suất ở Việt Nam	01	X	Tạp chí Công nghệ Ngân hàng ISSN: 1859-3682			56, tr.27-32	11-2010
3	Hội nhập quốc tế về ngân hàng tại Việt Nam đến năm 2020: Thuận lợi, khó khăn, cơ hội, thách thức	01	X	Tạp chí Đại học Công Nghiệp ISSN: 1859-3712			07, tr. 76-85	07-2011
4	Chi phí thu tóm trong M&A tại Việt Nam: Cách tiếp cận từ góc độ thuế	01	X	Tạp chí Tài chính ISSN: 005-56			610, tr.48-52	06-2015
5	Tác động của chính sách thuế đến tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam	01	X	Tạp chí Tài chính ISSN: 005-56			611, tr.12-16	06-2015
6	Đo lường phản ứng can thiệp vô hiệu hoá lên dòng vốn ngoại tệ vào tại Việt Nam	01	X	Tạp chí Kinh tế và Dự Báo			16, tr.74-7w7	08-2015

				ISSN: 0866-7120			
7	Mối quan hệ giữa lạm phát và thất nghiệp tại Việt Nam	2	X	Tạp chí Nghiên cứu Tài chính-Kế toán ISSN: 1859-4093		10, tr.3-7	10-2015
8	Tác động của kinh tế vĩ mô đến nguồn vốn huy động của các NHTM tại Việt Nam	02		Tạp chí Tài chính ISSN: 005-56		619, tr.17-20	10-2015
9	Các nhân tố ảnh hưởng đến rủi ro thanh khoản của ngân hàng thương mại tại Việt Nam	01	X	Tạp chí Tài chính ISSN: 005-56		620, tr.62-66	11-2015
10	Nâng cao hiệu quả thu hút FDI vào Việt Nam trong tình hình mới	01	X	Tạp chí Con số & Sự kiện ISSN: 0866-7322		12, tr.27-29	12-2015
11	Bàn về thực trạng và giải pháp phát triển thị trường chứng khoán phái sinh Việt Nam	01	X	Tạp chí Thị trường Tài chính tiền tệ ISSN: 1859-2805		3+4, tr.55-59	02 - 2016
12	Phát triển thị trường trái phiếu liên ngân hàng: Thực trạng và một số đề xuất	01	X	Tạp chí Tài chính ISSN: 005-56		627, tr.11-14	02-2016
13	Những cơ hội và thách thức đối với sự phát triển của thị trường chứng khoán phái sinh Việt Nam	02		Tạp chí Thị trường Tài chính tiền tệ ISSN: 1859-2805		6, tr.29-31 và 44	03-2016
14	Những nhân tố ảnh hưởng đến việc tuân thủ thuế thu	01	X	Tạp chí Châu Mỹ ngày nay		3, tr.39-46	03-2016

	nhập cá nhân tại Mỹ và hàm ý cho Việt Nam			ISSN: 2354-0745			
15	Tái cơ cấu tài chính hệ thống NHTM Việt Nam: Nhìn lại quá trình thực hiện và hướng đi cho tương lai	01	X	Tạp chí Ngân hàng ISSN: 0866-7462		6, tr.32-36	03 - 2016
16	Lý thuyết tài chính hành vi trên thị trường chứng khoán Việt Nam và những vấn đề đặt ra	01	X	Tạp chí Tài chính ISSN: 005-56		629, tr.15-18	03 - 2016
17	Niên yết chứng khoán của doanh nghiệp Việt Nam ra nước ngoài: Thực trạng, cơ hội và thách thức	01	X	Tạp chí Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương ISSN: 0868-3808		Kỳ 2, tr.12-14 và 9	03-2016
18	Mối quan hệ giữa đầu tư trực tiếp nước ngoài, đầu tư nội địa và tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam	01	X	Tạp chí Quản lý Kinh tế ISSN: 1859-039X		75, tr.27-37	03+04-2016
19	Các yếu tố ảnh hưởng đến khoảng rộng lãi suất của các NHTM tại Việt Nam	01	X	Tạp chí Công nghệ Ngân hàng ISSN: 1859-3682		121, tr.53-58	04-2016
20	Ước lượng ngưỡng lạm phát đối với tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam	02	X	Tạp chí Khoa học & Đào tạo Ngân hàng ISSN: 1859-011X		167, tr.26-33	04 - 2016
21	Chứng khoán hoá khoản vay có thể chấp bất động sản: Nhìn nhận lợi ích và khả năng phát triển ở Việt Nam	01	X	Tạp chí Ngân hàng ISSN: 0866-7462		8, tr.35-39	04-2016

22	Ảnh hưởng của hội nhập quốc tế đến cơ cấu thuế Việt Nam và hướng đi tương lai	01	X	Tạp chí Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương ISSN: 0868-3808		467, tr.12-14	04 - 2016
23	Ảnh hưởng của các biến số kinh tế trong và ngoài nước đến lạm phát tại Việt Nam	01	X	Tạp chí Kinh tế đối ngoại ISSN: 1859-4050		81, tr.20-27	04-2016
24	Ứng dụng basel III vào Quản trị rủi ro ngân hàng tại Việt Nam: Gợi mở hướng đi cho tương lai	01	X	Tạp chí Thị trường Tài chính tiền tệ ISSN: 1859-2805		8, tr.27-31 và 42	04 - 2016
25	Phát hành trái phiếu Chính phủ quốc tế của Việt Nam: Thực trạng và giải pháp	01	X	Tạp chí Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương ISSN: 0868-3808		Kỳ II, tr.7-9	04-2016
26	Tiếp cận Basel III trong quản trị rủi ro thanh khoản của các ngân hàng thương mại Việt Nam	01	X	Tạp chí Thị trường Tài chính tiền tệ ISSN: 1859-2805		1+2, tr.44-47	01-2017
27	Cải cách thuế thu nhập doanh nghiệp ở Việt Nam và định hướng trong tương lai	01	X	Tạp chí Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương ISSN: 0868-3808		487, tr.8-11	02-2017
28	Công tác thu phí, lệ phí ở Việt Nam và những điểm đổi mới	01	X	Tạp chí Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương		489, tr.4-6	03-2017

				ISSN: 0868-3808				
29	Tác động của viện trợ phát triển đến tăng trưởng kinh tế: Nghiên cứu thực nghiệm tại Việt Nam	03	X	Tạp chí Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương ISSN: 0868-3808			492, tr.17-19	04-2017
II Sau khi được công nhận PGS								
Tạp chí quốc tế								
30	Should Vietnamese banks need more equity? Evidence on risk-return trade-off in dynamic models of banking	1	X	Journal of Risk and Financial Management ISSN: 1911-8074	ESCI		12(2), pp. 1-13	05-2019
31	The risk-return trade-off of liquidity positions: Evidence from Vietnamese banking system	1	X	International Journal of Monetary Economics and Finance ISSN: 1752-0487	Scopus Q3		12(5), pp. 390-406	10-2019
32	Evaluating the impact of official development assistance (ODA) on economic growth in developing countries	2	X	Hội thảo: Beyond Traditional Probabilistic Methods in Economics. ECONVN 2019 ISBN: 978-3-030-04200-4			910-918	2019
33	The effect of macroeconomic variables on economic	2	X	Hội thảo: Beyond			919-927	2019

	growth: A cross-country study			Traditional Probabilistic Methods in Economics. ECONVN 2019 ISBN: 978-3-030-04200-4				
34	The effects of loan portfolio diversification on Vietnamese banks' return	2	X	Hội thảo: Beyond Traditional Probabilistic Methods in Economics. ECONVN 2019 ISBN: 978-3-030-04200-4			928-939	2019
35	Do non-traditional banking activities reduce bank liquidity creation? Evidence from Vietnam	1	X	Research in International Business and Finance ISSN: 0275-5319	Scopus Q1, SSCI IF 4.091		Volume 54, Article number 101257	05-2020
36	The conditioning role of performance on the bank risk-taking channel of monetary policy: Evidence from a multiple-tool regime	2	X	Research in International Business and Finance ISSN: 0275-5319	Scopus Q1, SSCI IF 4.091		Volume 54, Article number 101602	07-2020
37	Bank funding and liquidity in an emerging market	1	X	International Journal of Economic Policy in	Scopus Q3		13(3), pp. 256-272	08-2020

				Emerging Economies ISSN: 1752-0460				
38	Holdings of sovereign bonds by commercial banks in Vietnam	2	X	Cogent Economics & Finance ISSN: 2332-2039	Scopus Q2, ESCI	8(1), Article number 1818409	09-2020	
39	Monetary policy, bank leverage and liquidity	2	X	International Journal of Managerial Finance ISSN: 1743-9132	Scopus Q2, ESCI	17(4), pp. 619-639	09-2020	
40	Non-interest income, credit risk and bank stability: Evidence from Vietnam	2	X	Institutions and Economies ISSN: 2232-1349	Scopus Q4	13(1), pp. 97-125	12-2020	
41	Bank performance and the relationship between lending and fee-based activities in an emerging market	1	X	Malaysian Journal of Economic Studies ISSN: 1511-4554	Scopus Q3, ESCI	57(2), pp. 213-231	12-2020	
42	Bank diversification and the effectiveness of monetary policy transmission: Evidence from the bank lending channel in Vietnam	2	X	Cogent Economics & Finance ISSN: 2332-2039	Scopus Q2, ESCI	9(1), Article number 1885204	02-2021	
43	How do bank characteristics affect the bank liquidity	2	X	Finance Research Letters	Scopus Q1, SSCI	Volume 43, Article	02-2021	

	creation channel of monetary policy?			ISSN: 1544-6123	IF 5.596		number 101984	
44	Loan portfolio diversification and bank returns: Do business models and market power matter?	2		Cogent Economics & Finance ISSN: 2332-2039	Scopus Q2, ESCI		9(1), Article number 1891709	03-2021
45	Bank liquidity and lending behavior: Evidence from the Vietnamese banking system	1	X	International Journal of Business and Society ISSN: 1511-6670	Scopus Q3, ESCI		22(1), pp. 240-256	03-2021
46	Bank lending in an emerging economy: How does central bank reserve accumulation matter?	2	X	Economic Journal of Emerging Markets ISSN: 2086-3128	ESCI		13(1), pp. 53-65	04-2021
47	Liquidity injection, bank lending, and security holdings: The asymmetric effects in Vietnam	2	X	Journal of Economic Asymmetries ISSN: 1703-4949	Scopus Q1		Volume 24, Article number e00212	06-2021
48	The Basel III net stable funding ratio and a risk-return trade-off: Bank-level evidence from Vietnam	1	X	Asian Academy of Management Journal of Accounting & Finance ISSN: 1823-4992	Scopus Q4, ESCI		17(2), pp. 247-274	12-2021
49	Economic cycle and bank liquidity hoarding: Are they	1	X	Malaysian Journal of	Scopus Q4, ESCI		58(2), pp. 217-237	12-2021

	procyclical or countercyclical?			Economic Studies ISSN: 1511-4554			
50	Bank liquidity hoarding strategies in uncertain times: New evidence from an emerging market with bank-level data	2	X	Organizations and Markets in Emerging Economies ISSN: 2029-4581	Scopus Q3, ESCI	12(2), pp. 377-398	12-2021
51	Bank funding, market power, and the bank liquidity creation channel of monetary policy	2	X	Research in International Business and Finance ISSN: 0275-5319	Scopus Q1, SSCI IF 4.091	Volume 59, Article number 101531	01-2022
52	Monetary policy and bank performance: The role of business models	2	X	North American Journal of Economics and Finance ISSN: 1062-9408	Scopus Q2, SSCI IF 2.772	Volume 59, Article number 101602	01-2022
53	Bank asset allocation and finance structure under uncertainty in Vietnam	2	X	Managerial Finance ISSN: 0307-4358	Scopus Q3, ESCI	48(3), pp. 500-520	02-2022
54	Bank profitability under uncertainty	2	X	Quarterly Review of Economics and Finance ISSN: 1062-9769	Scopus Q2, SSCI IF 2.619	83, pp. 119-134	02-2022

55	The bank liquidity creation channel of monetary policy transmission in a multiple-instrument environment	1	X	International Journal of Monetary Economics and Finance ISSN: 1752-0487	Scopus Q4	15(1), pp. 58-77	03-2022
56	Bank liquidity creation under micro uncertainty: The conditioning role of income structure	1	X	Economic Modelling ISSN: 0264-9993	Scopus Q1, SSCI IF 3.127	Volume 112, Article number 105852	04-2022
57	Exploring the asymmetric effects of loan portfolio diversification on bank profitability	2		Journal of Economic Asymmetries ISSN: 1703-4949	Scopus Q1	Volume 26, Article number e00250	04-2022
58	Cyclicalities of bank liquidity in Vietnam	1	X	International Journal of Monetary Economics and Finance ISSN: 1752-0487	Scopus Q4	15(2), pp. 138-153	08/2022
59	Uncertainty and bank funding liquidity risk in Vietnam	2	X	Economic Annals ISSN: 1820-7375	Scopus Q4	67(234), pp. 29-54	09/2022
60	Does diversification protect bank lending against uncertainty?	2	X	Credit and Capital Markets ISSN: 2199-1235	Scopus Q4	55(3), pp. 349-379	12/2022

61	Cash holdings and bank profits in periods of uncertainty	1	X	Journal of Economic Studies ISSN: 0144-3585	Scopus Q1, ESCI	50(2), pp. 343-356	02-2023
62	Bank opacity and stability in an emerging market (doi: 10.1108/IJOEM-03-2022-0514)	2	X	International Journal of Emerging Markets ISSN: 1746-8809	Scopus Q2, SSCI IF 3.422	Chờ ra số	03/2023
63	How does uncertainty drive the bank lending channel of monetary policy? (doi: 10.1080/13547860.2023.2196883)	2	X	Journal of the Asia Pacific Economy ISSN: 1469-9648	Scopus Q2, SSCI IF 1.325	Chờ ra số	04/2023
64	The bank lending channel of monetary policy transmission in Vietnam: Impacts of the COVID-19 pandemic and the financial crisis	2	X	Cogent Business & Management ISSN: 2331-1975	Scopus Q2, ESCI	10(1), Article number 2199485	04/2023
65	Income structure and bank capital: Evidence from Vietnam (10.1504/IJEPEE.2021.10038014)	1	X	International Journal of Economic Policy in Emerging Economies ISSN: 1752-0460	Scopus Q3	Chờ ra số	2023
66	Banking uncertainty and lending: Does bank competition matter?	2	X	Journal of Asia Business Studies	Scopus Q1, ESCI	17(4), pp. 741-765	07/2023

				ISSN: 1558-7894				
67	Uncertainty, bank opacity, and market structure	2	X	International Journal of Managerial Finance ISSN: 1743-9132	Scopus Q2, ESCI		19(4), pp. 930-949	07/2023
68	Market structure and bank performance: A comprehensive picture of Vietnam	2	X	Banks and Bank Systems ISSN: 1991-7074	Scopus Q3		18(3), pp. 74-86	08/2023
69	Earnings management and bank funding	2	X	Global Business and Economics Review ISSN: 1745-1329	Scopus Q4		30(1), pp. 72-92	01/2024
70	Monetary policy and risk of commercial banks in Vietnam	2	X	Journal of Eastern European and Central Asian research	Scopus Q3, ESCI		11(3), pp. 465-477	06/2024
Tạp chí trong nước								
71	Hoàn thiện công tác thanh tra, giám sát của ngân hàng Nhà nước đối với hệ thống NHTM Việt Nam	1	X	Tạp chí Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương ISSN: 0868-3808			519, tr.65-70	06-2018
72	Đa dạng hóa danh mục cho vay và vấn đề đặt ra với lợi nhuận của các NHTM Việt Nam	2	X	Tạp chí Ngân hàng ISSN: 0866-7462			16, tr.17-22	08-2018

73	Danh mục cho vay và rủi ro đặt ra với các NHTM Việt Nam	2	X	Tạp chí Thị trường Tài chính tiền tệ ISSN: 1859-2805			18, tr.14-18	09-2018
74	Đa dạng hoá danh mục cho vay tại các ngân hàng thương mại Việt Nam: Tiếp cận từ chỉ số Herfindahl-Hirschman và Shannon Entropy	2		Tạp chí Thị trường Tài chính tiền tệ ISSN: 1859-2805			18, tr.14-18	09-2018
75	Cơ chế định giá điều chuyển vốn nội bộ của các NHTM: hạn chế trong triển khai và những đề xuất	1	X	Tạp chí Thị trường Tài chính tiền tệ ISSN: 1859-2805			21, tr.29-32	10-2018
76	Tác động của tăng trưởng tín dụng đến nợ xấu của các NHTM Việt Nam	1	X	Tạp chí Khoa học & Đào tạo Ngân hàng ISSN: 1859-011X			198, tr.50-57	11-2018
77	Bảo lãnh nhà ở hình thành trong tương lai: Cơ sở pháp lý trong triển khai thực hiện tại Việt Nam	1	X	Tạp chí Ngân hàng ISSN: 0866-7462			24, tr.31-35	12-2018
78	Cho vay ngang hàng: Nền tảng công nghệ tài chính mới và những gợi ý để vận hành tại Việt Nam	1	X	Tạp chí Thị trường Tài chính tiền tệ ISSN: 1859-2805			03+04, tr.42-47	01-2019
79	Cách thức vận hành, điều tiết thị trường cho vay ngang hàng trên thế giới và đề xuất cho Việt Nam	1	X	Tạp chí Ngân hàng ISSN: 0866-7462			4, tr.51-54	02-2019

80	Tác động của tăng trưởng tín dụng đến lợi nhuận của các NHTM Việt Nam	1	X	Tạp chí Kinh tế đối ngoại ISSN: 1859-4050			115, tr.76-85	02-2019
81	Tăng trưởng tín dụng tại Việt Nam: Góc nhìn từ nợ xấu và kết quả kinh doanh của các ngân hàng thương mại	1	X	Tạp chí Ngân hàng ISSN: 0866-7462			6, tr.27-31	03-2019
82	Phát triển cơ chế quản lý vốn với định giá điều chuyển vốn nội bộ của các NHTM Việt Nam	1	X	Tạp chí Thị trường Tài chính tiền tệ ISSN: 1859-2805			7, tr.18-23	03-2019
83	Định giá điều chuyển vốn nội bộ: Công cụ quản lý rủi ro hiệu quả cho ngân hàng	1	X	Tạp chí Ngân hàng ISSN: 0866-7462			8, tr.16-22	04-2019
84	Điều chuyển vốn nội bộ của ngân hàng: Góc nhìn từ định giá chuyển giao và quản lý phân cấp của doanh nghiệp	1	X	Tạp chí Thị trường Tài chính tiền tệ ISSN: 1859-2805			12, tr.24-29	04-2019
85	Các phương pháp định giá điều chuyển vốn nội bộ và đề xuất cho các NHTM Việt Nam	1	X	Tạp chí Ngân hàng ISSN: 0866-7462			14, tr.18-23	07-2019
86	Đầu tư trái phiếu chính phủ: Động cơ của NHTM và góc nhìn từ cơ quan quản lý tại Việt Nam	1	X	Tạp chí Thị trường Tài chính tiền tệ ISSN: 1859-2805			9, tr.28-31	05-2020

87	Hoạt động của ngành ngân hàng kể từ khi Việt Nam gia nhập WTO: Tiếp cận thông qua các nhân tố CAMELS	2		Tạp chí Thị trường Tài chính tiền tệ ISSN: 1859-2805			17, tr.22-29	08-2020
88	Hệ số an toàn vốn và hoạt động cho vay tại các ngân hàng thương mại Việt Nam	2	X	Tạp chí Ngân hàng ISSN: 0866-7462			2, tr.14-20	01-2021
89	Rủi ro tín dụng tại các ngân hàng thương mại Việt Nam giai đoạn hậu WTO: Ảnh hưởng của các nhân tố vi mô và vĩ mô	1	X	Tạp chí Thị trường Tài chính tiền tệ ISSN: 1859-2805			3+4, tr.52-57	01-2021
90	Chính sách tiền tệ và hành vi tích trữ thanh khoản ngân hàng tại Việt Nam	2	X	Tạp chí Thị trường Tài chính tiền tệ ISSN: 1859-2805			10, tr.26-32	05-2022
91	Kênh cho vay ngân hàng trong truyền dẫn chính sách tiền tệ tại Việt Nam	2		Tạp chí Kinh tế và Ngân hàng châu Á ISSN: 2615-9813			202+203, tr. 21-36	01-2023
92	Đánh giá sự bất định trong hoạt động ngân hàng Việt Nam	1	X	Tạp chí Thị trường Tài chính tiền tệ ISSN: 1859-2805			05, tr.28-33	02-2023
93	Tác động của sự bất định tới khả năng thanh toán của hệ thống ngân hàng Việt Nam	1	X	Tạp chí Ngân hàng ISSN: 2815-6048			3, tr.21-26	02-2023

94	Sự bất định và xu hướng chuyển dịch thu nhập trong ngành ngân hàng	1	X	Tạp chí Thị trường Tài chính tiền tệ ISSN: 1859-2805		07, tr.15-20	03-2023
95	Chính sách tiền tệ và rủi ro tín dụng ngân hàng tại Việt Nam	2		Tạp chí Kinh tế và Ngân hàng châu Á ISSN: 2615-9813		205, tr. 5-22	04-2023
96	Cấu trúc thị trường và ổn định tài chính của các NH VN: bằng chứng từ cách tiếp cận cấu trúc và phi cấu trúc	2		Tạp chí Kinh tế và Ngân hàng châu Á ISSN: 2615-9813		207, tr.48-64	06-2023
97	Sự tập trung của thị trường và thu nhập lãi của các ngân hàng Việt Nam	2		Tạp chí Thị trường Tài chính tiền tệ ISSN: 1859-2805		17, tr.75-81	11-2023
98	Hoạt động cho vay của ngân hàng Việt Nam trước ảnh hưởng của thị trường tập trung	2		Tạp chí Ngân hàng ISSN: 2815-6048		22, tr.9-21	11-2023
99	Tăng trưởng cho vay tại Việt Nam - Ảnh hưởng của các nhân tố đặc thù ngân hàng	2		Tạp chí Thị trường Tài chính tiền tệ ISSN: 1859-2805		18, tr.31-38	12-2023
100	Tác động của dòng tiền và vốn lưu động đến đầu tư của doanh nghiệp Việt Nam trong điều kiện hạn chế tài chính	2		Tạp chí Kinh tế và Ngân hàng châu Á		214+215, tr.5-25	02-2024

				ISSN: 2615-9813			
101	Mối quan hệ dòng tiền và đầu tư vốn lưu động của doanh nghiệp trong điều kiện hạn chế tài chính	2		Tạp chí Tài chính ISSN: 005-56		821, tr.96-99	03-2024

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS: **36 bài** (các bài số thứ tự từ 30–31, 35–43, 45–56, và 58–70).

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/dề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Chương trình đào tạo cử nhân quốc tế ngành Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm	Tham gia xây dựng CTĐT & chủ trì xây dựng đề cương môn học	Quyết định số 1891/QĐ-ĐHNH ngày 01/10/2020	Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM	Quyết định số 1553a/QĐ-ĐHNH ngày 23/08/2021	VBXN ngày 28/06/2024
2	Chương trình đào tạo đại học chính quy quốc tế song bằng ngành Bảo hiểm - Tài chính - Ngân hàng	Tham gia xây dựng CTĐT & chủ trì xây dựng đề cương môn học	Quyết định số 1548/QĐ-ĐHNH ngày 05/08/2020	Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM	Quyết định số 1858/QĐ-ĐHNH ngày 24/09/2020	VBXN ngày 28/06/2024
3	Chương trình đào tạo chuyên ngành Tài chính và	Tham gia xây dựng CTĐT & chủ trì xây	Quyết định số 551/QĐ-	Trường Đại học Ngân	Quyết định số 2420/QĐ-	VBXN ngày 28/06/2024

Quản trị doanh nghiệp	dựng đề cương môn học	ĐHNH ngày 08/04/2021	hàng TP.HCM	ĐHNH ngày 07/12/2021		
4	Chương trình đào tạo Thạc sĩ chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng	Tham gia xây dựng CTĐT & Tổ trưởng của một tổ trong tiểu ban tham gia xây dựng CTĐT	Quyết định số 716/QĐ-ĐHNH ngày 19/04/2022	Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM	Quyết định số 325/QĐ-ĐHNH ngày 22/02/2023	VBXN ngày 28/06/2024
5	Chương trình đào tạo Tiến sĩ chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng	Tham gia xây dựng CTĐT & Tổ trưởng của hai tổ trong các tiểu ban tham gia xây dựng CTĐT	Quyết định số 715/QĐ-ĐHNH ngày 19/04/2022	Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM	Quyết định số 324/QĐ-ĐHNH ngày 22/02/2023	VBXN ngày 28/06/2024
6	Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Kế toán (Chương trình Kế toán - Tài chính quốc tế)	Tham gia xây dựng CTĐT	Quyết định số 3603/QĐ-ĐHNH ngày 07/12/2023	Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM	Quyết định số 77/QĐ-ĐHNH ngày 09/01/2024	VBXN ngày 28/06/2024
7	Đề án mở ngành đào tạo Thạc sĩ Kế toán (chương trình Kế toán - Tài chính quốc tế)	Tham gia xây dựng đề án mở ngành	Quyết định số 3141/QĐ-ĐHNH ngày 08/11/2023	Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM	Quyết định số 376/QĐ-ĐHNH ngày 05/02/2024	VBXN ngày 28/06/2024
8	Chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Tài chính – ngân hàng (chương trình Quản trị Tài chính)	Tham gia xây dựng CTĐT	Quyết định số 1298/QĐ-ĐHNH ngày 07/05/2024	Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM	Quyết định số 1775/QĐ-ĐHNH ngày 18/06/2024	VBXN ngày 28/06/2024

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS: **Không đề xuất thay thế**

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo: **Không đề xuất thay thế**

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng

ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

Trong trường hợp không đủ nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ với vai trò chủ trì, ứng viên xin được phép đề xuất các CTKH để thay thế như sau:

1. Dang, V. D., & Nguyen, H. C. (2022). Bank profitability under uncertainty. Quarterly Review of Economics and Finance, 83, 119-134.

(Bài báo số thứ tự 54, Tác giả chính, ISSN: 1062-9769, xếp hạng Scopus Q2, SSCI với IF năm 2022 là 2.619)

2. Dang, V. D. (2022). Bank liquidity creation under micro uncertainty: The conditioning role of income structure. Economic Modelling, Volume 112.

(Bài báo số thứ tự 56, Tác giả chính, ISSN: 0264-9993, xếp hạng Scopus Q1, SSCI với IF năm 2022 là 3.127)

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu: ...

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS):

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

Trong trường hợp không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo, ứng viên xin được phép đề xuất các CTKH để thay thế như sau:

1. Dang, V. D. (2020). Do non-traditional banking activities reduce bank liquidity creation? Evidence from Vietnam. Research in International Business and Finance, Volume 54.

(Bài báo số thứ tự 35, Tác giả chính, ISSN: 0275-5319, xếp hạng Scopus Q1, SSCI với IF 4.091 năm 2020)

2. Dang, V. D., & Dang, V. C., (2021). How do bank characteristics affect the bank liquidity creation channel of monetary policy?. Finance Research Letters, Volume 43.

(Bài báo số thứ tự 43, Tác giả chính, ISSN: 1544-6123, xếp hạng Scopus Q1, SSCI với IF năm 2021 là 5.596)

3. Dang, V. D., & Huynh, J. (2022). Monetary policy and bank performance: The role of business models. North American Journal of Economics and Finance, Volume 59.

(Bài báo số thứ tự 52, Tác giả chính, ISSN: 1062-9408, xếp hạng Scopus Q2, SSCI với IF năm 2022 là 2.772)

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

TP.HCM, ngày 28 tháng 06 năm 2024

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



PGS.TS. Dang Van Dan